**Bố cục: Bài cô bé bán diêm**

Chia làm 3 phần:

- Phần 1 ( từ đầu… cứng đờ ra): Hoàn cảnh đáng thương của cô bé bán diêm

- Phần 2 (tiếp… chầu Thượng đế): Những lần quẹt diêm những mơ ước giản dị hiện ra

- Phần 3 ( còn lại) Cái chết của cô bé bán diêm và thái độ của mọi người.

**Hướng dẫn soạn bài**

**Câu 1 ( trang 68 sgk Ngữ Văn 8 tập 1):**

Văn bản chia làm 3 phần:

- Phần 1 (từ đầu … cứng đờ ra) Hoàn cảnh đáng thương của cô bé bán diêm

- Phần 2 ( tiếp … chầu Thượng đế) những lần quẹt diêm của em bé

- Phần 3 (còn lại): Cái chết của em bé và thái độ của mọi người.

Căn cứ vào những lần quẹt diêm của cô bé để xác định những đoạn nhỏ.

   + Ba lần quẹt đầu tiên ước mơ về lò sưởi, đồ chơi, thức ăn hiện ra.

   + Lần thứ 4, người bà hiện lên hiền hậu

   + lần thứ 5 cô bé quẹt hết số diêm trong hộp để níu giữ hình ảnh người bà.

**Câu 2 ( trang 68 sgk Ngữ Văn 8 tập 1):**

- Gia cảnh của cô bé bán diêm:

   + Gia cảnh sa sút, mồ côi mẹ, bà ngoại mất

   + Sống với người bố hay mắng nhiếc, chửi rủa, đánh đập trên căn gác sát mái nhà

- Hình ảnh cô bé bán diêm:

   + Đầu trần, chân đất, bụng đói, dò dẫm đường

   + Cả ngày không bán được bao diêm nào

- Thời gian: đêm giao thừa

- Không gian: ngoài đường phố lạnh lẽo, mọi nhà đều sáng rực đèn

   + trong phố sực nức mùi ngỗng quay

- Những hình ảnh đối lập nhằm khắc họa nỗi khổ cực của cô bé:

   + Ngôi nhà xinh đẹp, nơi em sống có cây thường xuân bao quanh >< gác sát mái gió lùa lạnh lẽo

   + Cửa sổ mọi nhà sáng rực, ấm áp >< ngoài đường phố tối, góc tường lạnh lẽo giữa hai ngôi nhà

   + Phố xá sực nức mùi ngỗng quay >< em bé đói rét,bụng đói

= > hình ảnh đối lập làm nổi bật lên tình cảnh thảm thương, tội nghiệp của cô bé, tội nghiệp hơn nữa là bà, mẹ mất, em phải sống với người bố bạo lực.

**Câu 3 ( trang 68 sgk Ngữ Văn 8 tập 1):**

- Mộng tưởng của cô bé bán diêm hiện ra hợp lý với thực tế:

   + Muốn được sưởi ấm và ăn no: lò sưởi, ngỗng quay

   + Khao khát được sum họp gia đình bên cây thông No-el

   + Muốn được vui vẻ bên người bà hiền hậu

   + Cảnh hai bà cháu bay lên trời: thoát khỏi những đau buồn

- Mộng tưởng gắn với thực tế: lò sưởi, ngỗng quay, cây thông

- Mộng tưởng thuần túy là mộng tưởng: gặp lại người bà

= > Những mộng tưởng của cô bé bán diêm cũng là mộng tưởng chung của bất kì đứa trẻ nào cùng cảnh ngộ: muốn ấm no, hạnh phúc bên gia đình.

**Câu 4 (trang 68 sgk Ngữ Văn 8 tập 1):**

Cảm nghĩ về cô bé bán diêm:

- Cô bé có hoàn cảnh đáng thương, tội nghiệp:

   + Sống trong cảnh thiếu thốn về vật chất lẫn tinh thần

   + Phải bươn chải kiếm sống ngay từ khi còn rất nhỏ.

- Ước mơ của em thực tế, giản dị và hồn nhiên:

   + Mơ no ấm, sum vầy bên gia đình

   + Muốn được vui chơi đúng với lứa tuổi của em

- Em bé tội nghiệp chết đói và chết rét ngoài đường

Đoạn kết truyện:

- Cảnh tượng cô bé bán diêm chết vì giá rét nhưng miệng vẫn mỉm cười- đây là sự tưởng tượng của tác giả, giảm bớt sự đau thương.

- Cái chết lúc này là sự cứu rỗi- hai bà cháu bay về chầu Thượng đế.

- Cái kết vừa có sự bi thương, vừa mang màu sắc cổ tích (phản ánh ước mơ, khát vọng được hạnh phúc, ấm no của con người)

**Thế nào là tóm tắt văn bản tự sự?**

   Câu 2: Đáp án đúng nhất là b

**Cách tóm tắt văn bản tự sự**

**1.** Những yêu cầu đối với văn bản tóm tắt

**a.** Văn bản tóm tắt dựa vào nội dung của văn bản *Sơn Tinh, Thủy Tinh*. Vì văn bản tóm tắt đã thể hiện được nội dung, nhân vật, sự việc của truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh.*.

**b.** So sánh văn bản tóm tắt với văn bản được tóm tắt:

   Về độ dài, số lượng nhân vật, sự việc đều ngắn gọn hơn nhưng vẫn truyền tải được nội dung.

**c.** Các yêu cầu đối với một văn bản tóm tắt:

   Văn bản tóm tắt phải dùng lời văn của mình trình bày một cách ngắn gọn nội dung chính, phản ánh trung thành nội dung của văn bản được tóm tắt.

**2.** Các bước tóm tắt văn bản

      - Bước 1: Đọc kĩ văn bản để hiểu chủ đề.

      - Bước 2: Xác định nội dung chính.

      - Bước 3: Sắp xếp nội dung theo trình tự hợp lí.

      - Bước 4: Viết thành văn bản tóm tắt.

**I – Trợ từ**

**1.**

- Nó ăn hai bát cơm. -> thông báo sự việc khách quan

- Nó ăn những hai bát cơm -> nhấn mạnh việc ăn hai bát cơm là nhiều hơn bình thư

 Nó ăn có hai bát cơm -> đánh giá việc ăn hai bát cơm là ít hơn mức bình thường.

**2.**

- Các từ "những" và "có" đều đi kèm cụm từ "hai bát cơm" nhằm biểu thị mức độ đánh giá, nhấn mạnh biểu thị sự vật, sự việc được nói đến trong câu.

**II- Thán từ**

**1.** Các từ "này", "a" và "vâng" trong những đoạn trích sau đây biểu thị:

   + Từ "này" để gọi, thu hút sự chú ý của người đối diện.

   + Từ "A" bộc lộ cảm xúc tức giận khi nhận ra điều xấu đang ập đến

   + Từ "vâng" thể hiện sự lễ phép của người bề dưới với người bề trên.

**2.** Nhận xét về cách dùng các từ "này", "a" và "vâng" bằng cách lựa chọn những câu trả lời đúng:

a, Các từ ấy có thể làm thành một câu độc lập

d, Các từ ấy có thể cùng những từ khác làm thành một câu và thường đứng đầu câu.

**Bố cục: Đánh nhau với cối xay gió**

   - Phần 1 (từ đầu…*không cân sức*): tình cảnh trước khi đánh nhau với cối xay gió.

   - Phần 2 (tiếp…*toạc nửa vai*): đánh nhau với cối xay gió.

   - Phần 3 (còn lại): Hai thầy trò tiếp tục cuộc phiêu lưu.

**Câu 1 (trang 79 sgk Ngữ Văn 8 Tập 1):** Năm sự việc chủ yếu bộc lộ tính cách nhân vật:

   - Đôn Ki-hô-tê phát hiện ba, bốn chục chiếc cối xay gió giữa đồng và cho đó là những tên khổng lồ ghê gớm, cần giết hết bọn chúng.

 Đôn Ki-hô-tê mong nàng Đuyn-xi-nê-a cứu giúp rồi xông vào đánh cối xay gió.

Đôn Ki-hô- tê bị thương nặng vì bị cối xay gió đạp cánh quạt vào người và ngựa. Xan-chô đến cứu giúp, và hai thầy trò tranh luận nhau về "cối xay gió".

   - Vừa bàn tán chuyện xảy ra, hai thầy trò đi về phía cảng La-pu-xê vì theo Đôn Ki-hô- tê con đường này có nhiều chuyện phiêu lưu khác nhau.

   - Đêm ngủ dưới vòm cây, Đôn Ki-hô- tê không ngủ nghĩ tới tình nương.

**Câu 2 (trang 79 sgk Ngữ Văn 8 Tập 1):**

   Những nét hay và dở trong tính cách nhân vật Đôn Ki-hô-tê:

   - Đầu óc chứa đầy những ý tưởng tốt đẹp nhưng phi thực tế

   - Thích sống trong hoài niệm cùng những lí tưởng viển vông.

   - Gan dạ, dũng cảm, quên mình nhưng khắc khổ, cứng nhắc.

**Câu 3 (trang 79 sgk Ngữ Văn 8 Tập 1):**

   Nhân vật Xan-chô cũng bộc lộ những mặt tốt lẫn xấu:

   - Sống vui vẻ, tự nhiên, thoải mái.

   - Đầu óc sáng, thiết thực: ngăn chủ tấn công cối xay gió.

   - Nhát gan, ích kỉ, thiện cận, vụ lợi.

**Câu 4 (trang 79 sgk Ngữ Văn 8 Tập 1):** Cặp nhân vật tương phản:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phương diện tương phản** | **Đôn Ki-hô-tê** | **Xan-chô Pan-xa** |
| ***Xuất thân*** | Quý tộc nghèo | Nông dân |
| ***Bề ngoài*** | Gầy gò, cao lênh khênh, cưỡi ngựa | Béo lùn, cưỡi con lừa nên càng lùn tịt |
| ***Tính cách*** | Dũng mãnh, trọng danh dự, nghĩ đến việc chung | Nhát gan, thật thà, nghĩ đến cuộc sống của mình |
| ***Mục đích*** | Làm hiệp sĩ trừ gian | Mong hưởng chiến lợi phẩm |
| ***Suy nghĩ*** | Ảo tưởng, hão huyền | Tỉnh táo, thực tế |

**- Sự kết hợp các yếu tố kể, tả và biểu lộ tình cảm trong văn bản tự sự**

**1.** Các yếu tố miêu tả:

   + Xe chạy chầm chậm. Tôi thở hồng hộc, trán đẫm mồ hôi, và khi trèo lên xe tôi ríu cả chân lại

+ Mẹ tôi không còm cõi xơ xác như cô tôi nói

   + Gương mặt mẹ tôi vẫn tươi sáng với đôi mắt trong và nước da mịn, làm nổi bật màu hồng của hai gò má

   + Hơi quần áo của mẹ tôi và những hơi thở ở khuôn miệng xinh xắn… thơm tho lạ thường.

- Yếu tố biểu cảm:

   + Tôi òa lên khóc rồi cứ thế nức nở.

   + Hay tại sự sung sướng bỗng chốc được trông thấy cái hình hài… sung túc?

   + Tôi thấy những cảm giác ấm áp… khắp da thịt

   + Phải bé lại và lăn vào lòng… êm dịu vô cùng

- Các yếu tố miêu tả và biểu cảm này đan xen cùng với yếu tố tự sự

**2.** Nếu không có các yếu tố miêu tả và biểu cảm, đoạn văn toàn yếu tố kể chuyện thì sẽ rất khô khan, chỉ toàn chuỗi sự việc.

   + Người đọc không cảm nhận được tình cảm, không thấy được biểu hiện cảm xúc của nhân vật.

**3.** Nếu bỏ hết các yếu tố tự sự, trong đoạn văn chỉ để lại yếu tố miêu tả và biểu cảm thì đoạn văn sẽ lộn xộn. Phải có yếu tố là cốt, những yếu tố miêu tả, biểu cảm thêm vào tạo cảm xúc và lớp lang.

**I- Chức năng của tình thái từ**

**1.**Quan sát chức năng của các từ in đậm và trả lời câu hỏi

Trong các ví dụ (a), (b), (c) nếu bỏ đi các từ in đậm "à", "đi", " thay", "ạ" thì ý nghĩa của câu sẽ thay đổi.

+ Bỏ từ "à" câu không còn là câu nghi vấn

   + Bỏ từ "đi" câu không còn là câu cầu khiến

   + Câu "thay" câu không còn là câu cảm thán

**2.**Ở ví dụ (d) từ "ạ" biểu thị thái độ lễ phép của người nói.

**II- Sử dụng tình thái từ**

Các tình thái từ in đậm dưới được dùng trong những hoàn cảnh giao tiếp ( quan hệ tuổi tác, thứ bậc xã hội, tình cảm…) khác nhau:

   + Từ "à" biểu thị sự tò mò, nghi vấn

   + Từ "ạ" biểu thị thái độ lễ phép, kính trọng

   + Từ "nhé" thể hiện tình cảm thân mật